

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (GTGT)
(Dành cho người nộp thuế khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)

Mẫu số: 01/GTGT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính)

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:

[06] Địa chỉ:

[07] Quận/ huyện:

[09] Điện thoại:

☐ Gia hạn

[02] Lần đầu:

☒ X

[03] Bổ sung lần thứ:

Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 14

2 0 0 1 1 8 7 4 2 8

221 Lý Thường Kiệt, khóm 9, phường 6, Tp. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

Tp. Cà Mau

[08] Tỉnh/ Thành phố:

Cà Mau

02903 821 034

[10] Fax:

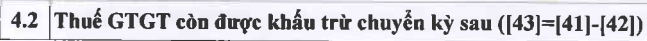
02903 560 985

[11] Email:

Trường hợp được gia hạn:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Giá trị HHDV (Chưa có thuế GTGT)	Thuế GTGT
A	Không phát sinh hoạt động mua, bán trong kỳ (đánh dấu "X")	[21]	
B	Thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang		[22]
C	Kê khai thuế GTGT phải nộp Ngân sách nhà nước		
I	Hàng hoá, dịch vụ (HHDV) mua vào trong kỳ		
1	Giá trị và thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ mua vào	[23]	1.225.940.351 [24]
2	Tổng số thuế GTGT được khấu trừ kỳ này		[25]
II	Hàng hoá, dịch vụ bán ra trong kỳ		
1	Hàng hóa, dịch vụ bán ra không chịu thuế GTGT	[26]	
2	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT ([27]=[29]+[30]+[32]+[32a]; [28]=[31]+[33])	[27]	240.588.183 [28]
a	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 0%	[29]	
b	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 5%	[30]	[31]
c	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 10%	[32]	240.588.183 [33]
d	Hàng hoá, dịch vụ bán ra không tính thuế	[32a]	
3	Tổng doanh thu và thuế GTGT của HHDV bán ra ([34] = [26] + [27]; [35] = [28])	[34]	240.588.183 [35]
III	Thuế GTGT phát sinh trong kỳ ([36] = [35] - [25])		[36]
IV	Điều chỉnh tăng, giảm thuế GTGT còn được khấu trừ của các kỳ trước		
1	Điều chỉnh giảm		[37]
2	Điều chỉnh tăng		[38]
V	Thuế GTGT đã nộp ở địa phương khác của hoạt động kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng, bất động sản ngoại tỉnh		[39]
VI	Xác định nghĩa vụ thuế GTGT phải nộp trong kỳ:		
1	Thuế GTGT phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ ([40a]=[36]-[22]+[37]-[38] - [39] ≥ 0)		[40a]
2	Thuế GTGT mua vào của dự án đầu tư được bù trừ với thuế GTGT còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh cùng kỳ tính thuế		[40b]
3	Thuế GTGT còn phải nộp trong kỳ ([40]=[40a]-[40b])		[40]
4	Thuế GTGT chưa khấu trừ hết kỳ này (nếu [41]=[36]-[22]+[37]-[38]-[39] < 0)		[41]
4.1	Tổng số thuế GTGT đề nghị hoàn		[42]



98.461.625

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘ THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Chứng chỉ hành nghề số:

Ghi chú:

- GTGT: Giá trị Gia tăng
- HHĐV: Hàng hoá dịch vụ



Nguyễn Văn Út

**BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC THUẾ**

Số: 0422111227664/2020/TB-TĐT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 22 tháng 04 năm 2020

Mẫu số: 01-02/TB-TĐT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 110/2015/TT-BTC -
dành riêng cho dịch vụ khai thuế điện tử)

THÔNG BÁO

V/v: Chấp nhận việc nộp hồ sơ khai thuế điện tử

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 14
Mã số thuế: 2001187428

Căn cứ hồ sơ khai thuế (HSKT) điện tử của người nộp thuế (NNT) đã được Công thông tin điện tử của Tổng cục Thuế tiếp nhận vào lúc 08 giờ 46 phút 15 giây ngày 22 tháng 04 năm 2020, Cơ quan thuế thông báo chấp nhận việc nộp HSKT điện tử của NNT:

1) HSKT điện tử:

STT	Tờ khai/Phụ lục	Loại tờ khai	Kỳ tính thuế	Lần nộp	Lần bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Tờ khai thuế giá trị gia tăng (GTGT)-01/GTGT	Chính thức	Q1/2020	1	.

2) Mã giao dịch điện tử: 11320200034912371

3) HSKT điện tử đã được Cơ quan thuế chấp nhận vào lúc 08 giờ 46 phút 15 giây ngày 22 tháng 04 năm 2020. Ngày hoàn thành việc nộp HSKT điện tử của NNT là ngày 22 tháng 04 năm 2020.

Trường hợp cần biết thêm thông tin chi tiết, NNT vui lòng liên hệ với Cơ quan thuế quản lý trực tiếp để được hỗ trợ.
Cơ quan thuế thông báo để NNT biết và thực hiện./.



Ký điện tử bởi: Tổng cục Thuế.



Mẫu số: 01/GTGT

(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính)

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (GTGT)

(Dành cho người nộp thuế khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)

[01] Kỳ tính thuế: quý 2 năm 2020

[02] Lần đầu:

☒ X

[03] Bổ sung lần thứ:

☐

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:

[06] Địa chỉ:

[07] Quận/ huyện:

[09] Điện thoại:

☐ Gia hạn

Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 14

2 0 0 1 1 8 7 4 2 8

221 Lý Thường Kiệt, khóm 9, phường 6, Tp. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

Tp. Cà Mau

[08] Tỉnh/ Thành phố:

Cà Mau

02903 821 034

[10] Fax:

02903 560 985

[11] Email:

Trường hợp được gia hạn:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Giá trị HHDV (Chưa có thuế GTGT)	Thuế GTGT
A	Không phát sinh hoạt động mua, bán trong kỳ (đánh dấu "X")	[21]	
B	Thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang		[22] 98.461.625
C	Kê khai thuế GTGT phải nộp Ngân sách nhà nước		
I	Hàng hoá, dịch vụ (HHDV) mua vào trong kỳ		
1	Giá trị và thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ mua vào	[23] 2.615.561.466	[24] 261.057.835
2	Tổng số thuế GTGT được khấu trừ kỳ này		[25] 261.057.835
II	Hàng hoá, dịch vụ bán ra trong kỳ		
1	Hàng hóa, dịch vụ bán ra không chịu thuế GTGT	[26]	
2	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT ([27]=[29]+[30]+[32]+[32a]; [28]=[31]+[33])	[27] 2.404.277.845	[28] 240.427.785
a	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 0%	[29]	
b	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 5%	[30]	[31]
c	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 10%	[32]	[33] 240.427.785
d	Hàng hoá, dịch vụ bán ra không tính thuế	[32a]	
3	Tổng doanh thu và thuế GTGT của HHDV bán ra ([34] = [26] + [27]; [35] = [28])	[34] 2.404.277.845	[35] 240.427.785
III	Thuế GTGT phát sinh trong kỳ ([36] = [35] - [25])		[36] (20.630.050)
IV	Điều chỉnh tăng, giảm thuế GTGT còn được khấu trừ của các kỳ trước		
1	Điều chỉnh giảm		[37]
2	Điều chỉnh tăng		[38]
V	Thuế GTGT đã nộp ở địa phương khác của hoạt động kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng, bất động sản ngoại tỉnh		[39]
VI	Xác định nghĩa vụ thuế GTGT phải nộp trong kỳ:		
1	Thuế GTGT phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ ([40a]=[36]-[22]+[37]-[38] - [39] ≥ 0)	[40a]	
2	Thuế GTGT mua vào của dự án đầu tư được bù trừ với thuế GTGT còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh cùng kỳ tính thuế	[40b]	
3	Thuế GTGT còn phải nộp trong kỳ ([40]=[40a]-[40b])	[40]	
4	Thuế GTGT chưa khấu trừ hết kỳ này (nếu [41]=[36]-[22]+[37]-[38]-[39] < 0)	[41]	119.091.675
4.1	Tổng số thuế GTGT đề nghị hoàn	[42]	



4.2 Thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau ([43]=[41]-[42])

[43]

119.091.675

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Ngày 22 tháng 07 năm 2020

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên; chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

- GTGT: Giá trị Gia tăng
- HHDV: Hàng hoá dịch vụ



Nguyễn Văn Út

**BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC THUẾ**

Số: 0723093241134/2020/TB-TĐT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 23 tháng 07 năm 2020

Mẫu số: **01-01/TB-TĐT**
(Ban hành kèm theo Thông tư số 110/2015/TT-BTC -
dành riêng cho dịch vụ khai thuế điện tử)

THÔNG BÁO
V/v: Tiếp nhận hồ sơ khai thuế điện tử

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 14
Mã số thuế: 2001187428

Căn cứ hồ sơ khai thuế (HSKT) điện tử của người nộp thuế (NNT) gửi tới Cơ quan thuế lúc 09 giờ 46 phút 05 giây ngày 23 tháng 07 năm 2020, Cơ quan thuế thông báo tiếp nhận HSKT điện tử của NNT:

1) HSKT điện tử:

STT	Tờ khai/Phụ lục	Loại tờ khai	Kỳ tính thuế	Lần nộp	Lần bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
	Tờ khai thuế giá trị gia tăng (GTGT) - 01/GTGT	Chính thức	Q2/2020	1	

2) Mã giao dịch điện tử: 11320200043808149

3) HSKT điện tử đã được Cơ quan thuế **tiếp nhận** vào lúc 09 giờ 46 phút 05 giây ngày 23 tháng 07 năm 2020, HSKT điện tử sẽ được Cơ quan thuế tiếp tục kiểm tra và trả Thông báo về việc chấp nhận hay không chấp nhận trong thời gian 01 ngày làm việc kể từ thời điểm Cơ quan thuế tiếp nhận HSKT điện tử.

Trường hợp cần biết thêm thông tin chi tiết, NNT vui lòng liên hệ với Cơ quan thuế quản lý trực tiếp để được hỗ trợ.
Cơ quan thuế thông báo đề NNT biết và thực hiện./.



Ký điện tử bởi: *Tổng cục Thuế.*

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (GTGT)
(Dành cho người nộp thuế khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)
[01] Kỳ tính thuế: quý 3 năm 2020

Mẫu số: 01/GTGT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 của Bộ Tài chính)

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:

[06] Địa chỉ:

[07] Quận/ huyện:

[09] Điện thoại:

Gia hạn

[02] Lần đầu: ☒ **[03] Bỏ sung lần thứ:** ☐
Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 14

2 0 0 1 1 8 7 4 2 8
 221 Lý Thường Kiệt, khóm 9, phường 6, Tp. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

Tp. Cà Mau **[08] Tỉnh/ Thành phố:** **Cà Mau**

02903 821 034 **[10] Fax:** **02903 560 985**

[11] Email:

Trường hợp được gia hạn:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Giá trị HHDV (Chưa có thuế GTGT)	Thuế GTGT
A	Không phát sinh hoạt động mua, bán trong kỳ (đánh dấu "X")	[21]	
B	Thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang		[22] 119.091.675
C	Kê khai thuế GTGT phải nộp Ngân sách nhà nước		
I	Hàng hoá, dịch vụ (HHDV) mua vào trong kỳ		
1	Giá trị và thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ mua vào	[23] 1.453.964.052	[24] 145.181.829
2	Tổng số thuế GTGT được khấu trừ kỳ này		[25] 145.181.829
II	Hàng hoá, dịch vụ bán ra trong kỳ		
1	Hàng hóa, dịch vụ bán ra không chịu thuế GTGT	[26]	
2	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT ([27]=[29]+[30]+[32]+[32a]; [28]=[31]+[33])	[27] 544.750.909	[28] 54.475.091
a	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 0%	[29]	
b	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 5%	[30]	[31]
c	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 10%	[32] 544.750.909	[33] 54.475.091
d	Hàng hoá, dịch vụ bán ra không tính thuế	[32a]	
3	Tổng doanh thu và thuế GTGT của HHDV bán ra ([34] = [26] + [27]; [35] = [28])	[34] 544.750.909	[35] 54.475.091
III	Thuế GTGT phát sinh trong kỳ ([36] = [35] - [25])		[36] (90.706.738)
IV	Điều chỉnh tăng, giảm thuế GTGT còn được khấu trừ của các kỳ trước		
1	Điều chỉnh giảm		[37]
2	Điều chỉnh tăng		[38]
V	Thuế GTGT đã nộp ở địa phương khác của hoạt động kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng, bất động sản ngoại tỉnh		[39]
VI	Xác định nghĩa vụ thuế GTGT phải nộp trong kỳ:		
1	Thuế GTGT phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ ([40a]=[36]-[22]+[37]-[38] - [39] ≥ 0)		[40a]
2	Thuế GTGT mua vào của dự án đầu tư được bù trừ với thuế GTGT còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh cùng kỳ tính thuế		[40b]
3	Thuế GTGT còn phải nộp trong kỳ ([40]=[40a]-[40b])		[40]
4	Thuế GTGT chưa khấu trừ hết kỳ này (nếu [41]=[36]-[22]+[37]-[38]-[39] < 0)		[41] 209.798.413
4.1	Tổng số thuế GTGT đề nghị hoàn		[42]



4.2 Thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau ([43]=[41]-[42])

[43]

209.798.413

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

Ghi chú:

- GTGT: Giá trị Gia tăng
- HHDV: Hàng hoá dịch vụ

Ngày 16 tháng 10 năm 2020

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))



Nguyễn Văn Út

**BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC THUẾ**

Số: 1020173630667/2020/TB-TĐT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2020

Mẫu số: 01-02/TB-TĐT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 110/2015/TT-BTC -
dành riêng cho dịch vụ khai thuế điện tử)

THÔNG BÁO

V/v: Chấp nhận việc nộp hồ sơ khai thuế điện tử

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 14
Mã số thuế: 2001187428

Căn cứ hồ sơ khai thuế (HSKT) điện tử của người nộp thuế (NNT) đã được Công thông tin điện tử của Tổng cục Thuế tiếp nhận vào lúc 15 giờ 35 phút 41 giây ngày 20 tháng 10 năm 2020, Cơ quan thuế thông báo chấp nhận việc nộp HSKT điện tử của NNT:

1) HSKT điện tử:

STT	Tờ khai/Phụ lục	Loại tờ khai	Kỳ tính thuế	Lần nộp	Lần bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Tờ khai thuế giá trị gia tăng (GTGT)-01/GTGT	Chính thức	Q3/2020	1	.

2) Mã giao dịch điện tử: 11320200052022459

3) HSKT điện tử đã được Cơ quan thuế chấp nhận vào lúc 15 giờ 35 phút 41 giây ngày 20 tháng 10 năm 2020. Ngày hoàn thành việc nộp HSKT điện tử của NNT là ngày 20 tháng 10 năm 2020.

Trường hợp cần biết thêm thông tin chi tiết, NNT vui lòng liên hệ với Cơ quan thuế quản lý trực tiếp để được hỗ trợ.
Cơ quan thuế thông báo để NNT biết và thực hiện./.



Ký điện tử bởi: Tổng cục Thuế.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TỜ KHAI THUẾ GIÁ TRỊ GIA TĂNG (GTGT)

(Dành cho người nộp thuế khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)

[01] Kỳ tính thuế: quý 4 năm 2020

[02] Lần đầu: ☒[03] Bổ sung lần thứ:

Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 14

2 0 0 1 1 8 7 4 2 8

221 Lý Thường Kiệt, khóm 9, phường 6, Tp. Cà Mau, tỉnh Cà Mau

Tp. Cà Mau

[08] Tỉnh/ Thành phố:

Cà Mau

02903 821 034

[10] Fax: 02903 560 985

[11] Email:

[04] Tên người nộp thuế:

[05] Mã số thuế:

[06] Địa chỉ:

[07] Quận/ huyện:

[09] Điện thoại:

Gia hạn

Trường hợp được gia hạn:

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Giá trị HHDV (Chưa có thuế GTGT)	Thuế GTGT
A	Không phát sinh hoạt động mua, bán trong kỳ (đánh dấu "X")	[21]	
B	Thuế GTGT còn được khấu trừ kỳ trước chuyển sang		[22] 209.798.413
C	Kê khai thuế GTGT phải nộp Ngân sách nhà nước		
I	Hàng hoá, dịch vụ (HHDV) mua vào trong kỳ		
1	Giá trị và thuế GTGT của hàng hoá, dịch vụ mua vào	[23] 2.333.800.287	[24] 233.254.764
2	Tổng số thuế GTGT được khấu trừ kỳ này		[25] 233.254.764
II	Hàng hoá, dịch vụ bán ra trong kỳ		
1	Hàng hóa, dịch vụ bán ra không chịu thuế GTGT	[26]	
2	Hàng hóa, dịch vụ bán ra chịu thuế GTGT ([27]=[29]+[30]+[32]+[32a]; [28]=[31]+[33])	[27] 17.095.056.143	[28] 1.709.505.614
a	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 0%	[29]	
b	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 5%	[30]	[31]
c	Hàng hoá, dịch vụ bán ra chịu thuế suất 10%	[32]	[33] 1.709.505.614
d	Hàng hoá, dịch vụ bán ra không tính thuế	[32a]	
3	Tổng doanh thu và thuế GTGT của HHDV bán ra ([34] = [26] + [27]; [35] = [28])	[34] 17.095.056.143	[35] 1.709.505.614
III	Thuế GTGT phát sinh trong kỳ ([36] = [35] - [25])		[36] 1.476.250.850
IV	Điều chỉnh tăng, giảm thuế GTGT còn được khấu trừ của các kỳ trước		
1	Điều chỉnh giảm		[37]
2	Điều chỉnh tăng		[38]
V	Thuế GTGT đã nộp ở địa phương khác của hoạt động kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng, bất động sản ngoại tỉnh		[39]
VI	Xác định nghĩa vụ thuế GTGT phải nộp trong kỳ:		
1	Thuế GTGT phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ ([40a]=[36]-[22]+[37]-[38] - [39] ≥ 0)	[40a]	1.266.452.437
2	Thuế GTGT mua vào của dự án đầu tư được bù trừ với thuế GTGT còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh cùng kỳ tính thuế	[40b]	
3	Thuế GTGT còn phải nộp trong kỳ ([40]=[40a]-[40b])	[40]	1.266.452.437
4	Thuế GTGT chưa khấu trừ hết kỳ này (nếu [41]=[36]-[22]+[37]-[38]-[39] < 0)	[41]	
4.1	Tổng số thuế GTGT đề nghị hoàn	[42]	



4.2 Thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển kỳ sau ([43]=[41]-[42])

[43]

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai./.

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Ngày 18 tháng 01 năm 2021

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))

Ghi chú:

- GTGT: Giá trị Gia tăng
- HHDV: Hàng hoá dịch vụ



Nguyễn Văn Út

**BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC THUẾ**

Số: 0122111311150/2021/TB-TĐT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2021

Mẫu số: 01-02/TB-TĐT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 110/2015/TT-BTC -
dành riêng cho dịch vụ khai thuế điện tử)

THÔNG BÁO

V/v: Chấp nhận việc nộp hồ sơ khai thuế điện tử

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 14
Mã số thuế: 2001187428

Căn cứ hồ sơ khai thuế (HSKT) điện tử của người nộp thuế (NNT) đã được Công thông tin điện tử của Tổng cục Thuế tiếp nhận vào lúc 09 giờ 02 phút 31 giây ngày 22 tháng 01 năm 2021, Cơ quan thuế thông báo chấp nhận việc nộp HSKT điện tử của NNT:

1) HSKT điện tử:

STT	Tờ khai/Phụ lục	Loại tờ khai	Kỳ tính thuế	Lần nộp	Lần bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Tờ khai thuế giá trị gia tăng (GTGT)-01/GTGT	Chính thức	Q4/2020	1	.

2) Mã giao dịch điện tử: 11320210063097989

3) HSKT điện tử đã được Cơ quan thuế chấp nhận vào lúc 09 giờ 02 phút 31 giây ngày 22 tháng 01 năm 2021. Ngày hoàn thành việc nộp HSKT điện tử của NNT là ngày 22 tháng 01 năm 2021.

Trường hợp cần biết thêm thông tin chi tiết, NNT vui lòng liên hệ với Cơ quan thuế quản lý trực tiếp để được hỗ trợ.
Cơ quan thuế thông báo đề NNT biết và thực hiện./.



Ký điện tử bởi: Tổng cục Thuế.



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Mẫu số: 03/TNDN
(Ban hành kèm theo Thông tư số
151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của
Bộ Tài chính)

TỜ KHAI QUYẾT TOÁN THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

[01] Kỳ tính thuế: 2020 từ 01/01/2020 đến 31/12/2020

[02] Lần đầu ☒ [03] Bổ sung lần thứ ☐

☐ Doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ

☐ Doanh nghiệp có cơ sở sản xuất hạch toán phụ thuộc

☐ Doanh nghiệp thuộc đối tượng kê khai thông tin giao dịch liên kết

[04] Ngành nghề có tỷ lệ doanh thu cao nhất:

[05] Tỷ lệ (%): %

[06] Tên người nộp thuế :

Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 14

[07] Mã số thuế:

2 0 0 1 1 8 7 4 2 8

[08] Địa chỉ:

221 Lý Thường Kiệt, khóm 9, phường 6, Tp.Cà Mau, tỉnh Cà Mau

[09] Quận/huyện:

Tp.Cà Mau

[10] Tỉnh/Thành phố: Cà Mau

[11] Điện thoại:

02903 821 034

[12] Fax: 02903 560 985

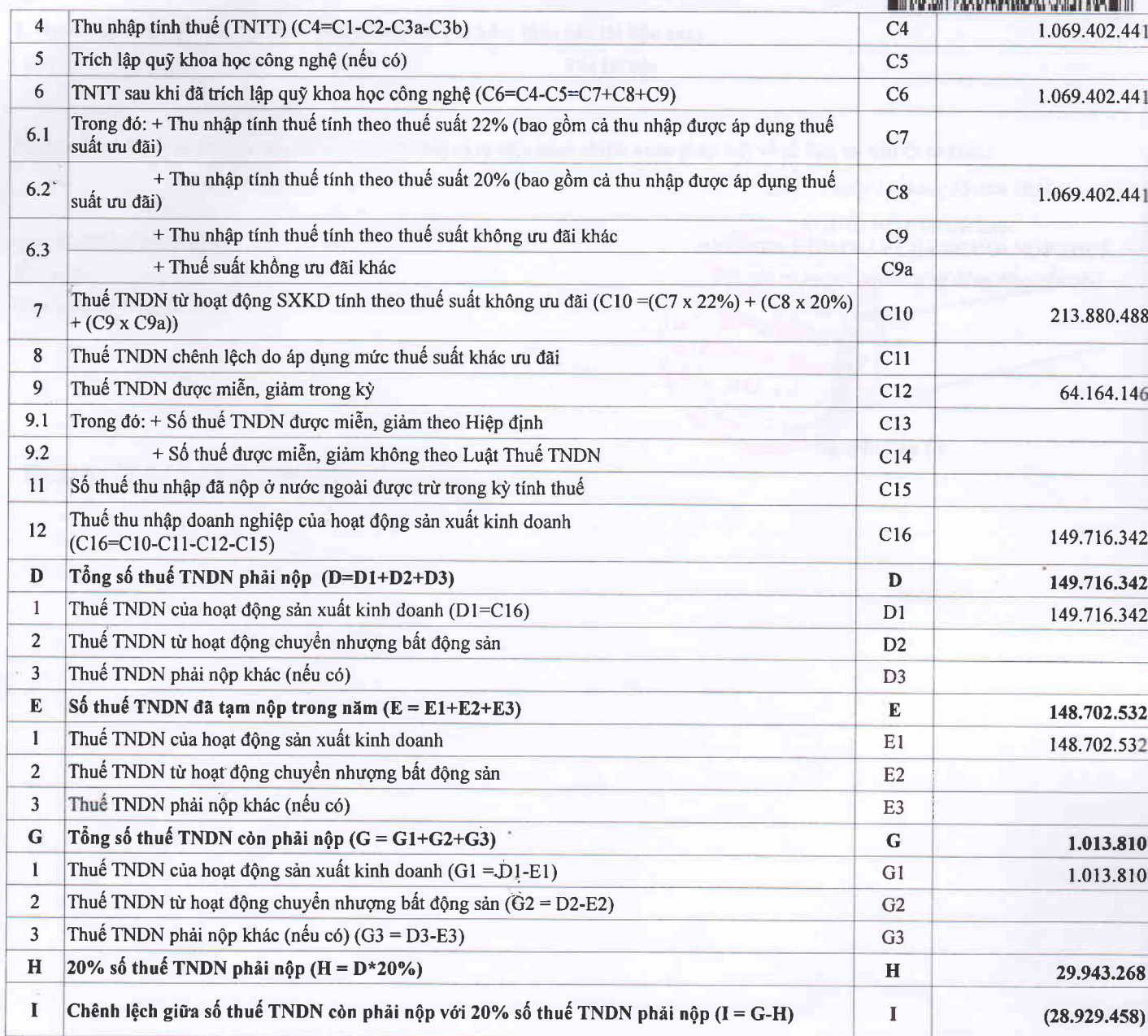
[13] ..

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
A	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính	A	
1	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	A1	1.052.372.441
B	Xác định thu nhập chịu thuế theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp	B	
1	Điều chỉnh tăng tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B1= B2+B3+B4+B5+B6 +B7)	B1	17.030.000
1.1	Các khoản điều chỉnh tăng doanh thu	B2	
1.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh giảm	B3	
1.3	Các khoản chi không được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế	B4	17.030.000
1.4	Thuế thu nhập đã nộp cho phần thu nhập nhận được ở nước ngoài	B5	
1.5	Điều chỉnh tăng lợi nhuận do xác định giá thị trường đối với giao dịch liên kết	B6	
1.6	Các khoản điều chỉnh làm tăng lợi nhuận trước thuế khác	B7	
2	Điều chỉnh giảm tổng lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp (B8=B9+B10+B11)	B8	
2.1	Giảm trừ các khoản doanh thu đã tính thuế năm trước	B9	
2.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	B10	
2.3	Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	B11	
3	Tổng thu nhập chịu thuế (B12=A1+B1-B8)	B12	1.069.402.441
3.1	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	B13	1.069.402.441
3.2	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản (B14 = B12 - B13)	B14	
C	Xác định thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh		
1	Thu nhập chịu thuế (C1 = B13)	C1	1.069.402.441
2	Thu nhập miễn thuế	C2	
3	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ	C3	
3.1	Lỗ từ hoạt động SXKD được chuyển trong kỳ	C3a	
3.2	Lỗ từ chuyển nhượng BĐS được bù trừ với lãi của hoạt động SXKD	C3b	

Hỗ trợ hạch toán MLNSNN:

Hạch toán chỉ tiêu [G] vào mục 1050, tiểu mục 1052



[L1] Đối tượng được gia hạn

[L2] Trường hợp được gia hạn nộp thuế TNDN theo :

[L3] Thời hạn được gia hạn:

[L4] Số thuế TNDN được gia hạn :

[L5] Số thuế TNDN không được gia hạn:

[M1] Số ngày chậm nộp ngày, từ ngày 01/02/2021 đến ngày

[M2] Số tiền chậm nộp:



I. Ngoài các Phụ lục của tờ khai này, chúng tôi gửi kèm theo các tài liệu sau:

STT	Tên tài liệu
1	

Tôi cam đoan là các số liệu, tài liệu kê khai này là đúng và tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu, tài liệu đã kê khai./

....., ngày 15 tháng 03 năm 2021

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

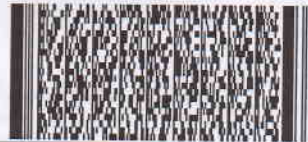
Chứng chỉ hành nghề số:

NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))



Nguyễn Văn Út

Ghi chú: - TNDN: Thu nhập doanh nghiệp



Mẫu số: 03 – 1A/TNDN

(Ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 6/11/2013 của Bộ Tài chính)

PHỤ LỤC

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Dành cho người nộp thuế thuộc các ngành sản xuất, thương mại, dịch vụ
(Kèm theo tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp số 03/TNDN)

Kỳ tính thuế: từ 01/01/2020 đến 31/12/2020

Tên người nộp thuế:

Công ty cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 14

Mã số thuế:

2 0 0 1 1 8 7 4 2 8 -

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Mã chi tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính:		
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	[01]	20.248.662.164
	Trong đó: - Doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu	[02]	20.248.662.164
2	Các khoản giảm trừ doanh thu ([03]=[04]+[05]+[06]+[07])	[03]	
a	Chiết khấu thương mại	[04]	
b	Giảm giá hàng bán	[05]	
c	Giá trị hàng bán bị trả lại	[06]	
d	Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp phải nộp	[07]	
3	Doanh thu hoạt động tài chính	[08]	29.662.236
4	Chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ ([09]=[10]+[11]+[12])	[09]	19.206.860.088
a	Giá vốn hàng bán	[10]	13.807.702.711
b	Chi phí bán hàng	[11]	23.184.000
c	Chi phí quản lý doanh nghiệp	[12]	5.375.973.377
5	Chi phí tài chính	[13]	19.698.145
	Trong đó: Chi phí lãi tiền vay dùng cho sản xuất, kinh doanh	[14]	
6	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ([15]=[01]-[03]+[08]-[09]-[13])	[15]	1.051.766.167
7	Thu nhập khác	[16]	16.500.000
8	Chi phí khác	[17]	15.893.726
9	Lợi nhuận khác ([18]=[16]-[17])	[18]	606.274
10	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp ([19]=[15]+[18])	[19]	1.052.372.441

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số liệu đã khai ./.

....., ngày 15 tháng 03 năm 2021

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ

Họ và tên:

Chứng chỉ hành nghề số:

**NGƯỜI NỘP THUẾ hoặc
ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA NGƯỜI NỘP THUẾ**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))



Nguyễn Văn Út

Ghi chú: - Số liệu tại chi tiêu [19] của Phụ lục này được ghi vào chi tiêu mã số A1 của Tờ khai quyết toán thuế cùng TNDN của kỳ tính thuế.

**BỘ TÀI CHÍNH
TỔNG CỤC THUẾ**

Số: 0315102934544/2021/TB-TĐT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày 15 tháng 03 năm 2021

Mẫu số: 01-02/TB-TĐT
(Ban hành kèm theo Thông tư số 110/2015/TT-BTC -
dành riêng cho dịch vụ khai thuế điện tử)

THÔNG BÁO

V/v: Chấp nhận việc nộp hồ sơ khai thuế điện tử

Kính gửi: CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 14
Mã số thuế: 2001187428

Căn cứ hồ sơ khai thuế (HSKT) điện tử của người nộp thuế (NNT) đã được Công thông tin điện tử của Tổng cục Thuế tiếp nhận vào lúc 09 giờ 42 phút 03 giây ngày 15 tháng 03 năm 2021, Cơ quan thuế thông báo chấp nhận việc nộp HSKT điện tử của NNT:

1) HSKT điện tử:

STT	Tờ khai/Phụ lục	Loại tờ khai	Kỳ tính thuế	Lần nộp	Lần bổ sung
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Tờ khai quyết toán thuế TNDN-03/TNDN	Chính thức	2020	1	.

2) Mã giao dịch điện tử: 11220210071490138

3) HSKT điện tử đã được Cơ quan thuế chấp nhận vào lúc 09 giờ 42 phút 03 giây ngày 15 tháng 03 năm 2021. Ngày hoàn thành việc nộp HSKT điện tử của NNT là ngày 15 tháng 03 năm 2021.

Trường hợp cần biết thêm thông tin chi tiết, NNT vui lòng liên hệ với Cơ quan thuế quản lý trực tiếp để được hỗ trợ.
Cơ quan thuế thông báo để NNT biết và thực hiện./.



Ký điện tử bởi: Tổng cục Thuế.

II- CƠ QUAN THUẾ XÁC NHẬN SỐ THUẾ ĐÃ NỘP NSNN

Cơ quan thuế xác nhận số tiền thuế đã nộp vào NSNN của người nộp thuế: Công ty Cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 14
Mã số thuế: 2001187428

Địa chỉ: Số 221 đường Lý Thường Kiệt, phường 6, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

Xác nhận đã nộp từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020, kết quả như sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	Số chứng từ	Ngày chứng từ	Ngân hàng/KBNN thực hiện giao dịch nộp thuế	Nội dung nộp NSNN	Số tiền	Ghi chú
1				Thuế Giá trị gia tăng (1701)	1,062,413,377	
2				Thuế Thu nhập doanh nghiệp (1052)	185,789,104	
				Thuế Thu nhập từ đầu tư vốn của cá nhân (1004)	20,020,000	
3				Thuế Thu nhập từ tiền lương, tiền công của cá nhân (1001)	22,601,699	
4				Lệ phí môn bài (2863)	2,000,000	
				Tiền thuế mặt đất hàng năm (3601)	46,750,602	
5				Thu từ đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp (1603)	1,190,030	
Tổng cộng					1,340,764,812	

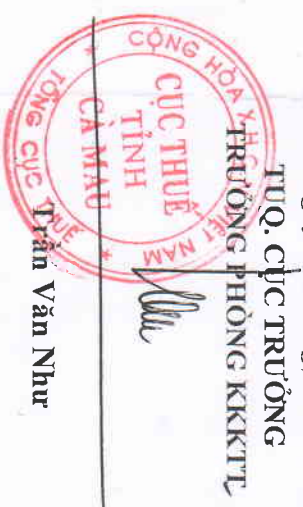
Các thông tin khác cần xác nhận:

Cà Mau, ngày 26 tháng 01 năm 2021

Người đối chiếu



Huỳnh Dương Thiện Như

TƯQ. CỤC TRƯỞNG
TRƯỞNG PHÒNG KKKTL

Trần Văn Như

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ
ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 14**
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2020**



MỤC LỤC

NỘI DUNG

TRANG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

1 - 2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

3 - 4

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5 - 8

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

9

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

10 - 11

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

12 - 22

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Quản lý bảo trì đường thủy nội địa số 14 (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám Đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Mai Văn Toàn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Út	Thành viên
Bà Huỳnh Thùy Linh	Thành viên
Ông Trần Văn Hào	Thành viên
Ông Lê Thanh Phong	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Văn Út	Giám đốc
Ông Trần Văn Hào	Phó Giám đốc

Ban Kiểm soát

Ông Trương Văn Lộc	Trưởng ban kiểm soát
Bà Ngô Thị Ngọc Tuyết	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Hải Yến	Thành viên

Kế toán trưởng

Bà Huỳnh Thùy Linh	Kế toán trưởng
--------------------	----------------

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 14

221 Lý Thường Kiệt, khóm 9, phường 6
thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.



Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,

NGUYỄN VĂN ÚT

Giám đốc

Ngày 22 tháng 02 năm 2021

Số: 186/HĐKT2020

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Ban Giám đốc**
CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 14

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 14 (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 22/02/2021, từ trang 5 đến trang 22, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Ý kiến của chúng tôi bị ảnh hưởng bởi vấn đề sau:

Theo Quyết định số 2532/CĐTNĐ – TC ngày 28/11/2016 của Cục đường thủy Nội địa Việt Nam về việc tắt toán khối lượng quản lý duy tu thường xuyên đường thủy nội địa năm 2014, Do điều chỉnh chi phí tiền lương khi lập giá sản phẩm dịch vụ công ích trong lĩnh vực quản lý bảo trì đường bộ, đường thủy nội địa, nên Cục đường thủy Nội địa Việt Nam quyết định không chấp thuận tiếp tục thanh toán kinh phí quản lý duy tu thường xuyên đường thủy nội địa năm 2014 cho Công ty với giá trị 613.341.000 VND. Giá trị điều chỉnh giảm khoản phải thu này Công ty chưa được ghi nhận trong báo cáo tài chính năm 2020.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên (Tiếp theo)

Như thuyết minh mục 6 – Thuyết minh báo cáo tài chính, khoản chi phí thực hiện công tác quản lý duy tu thường xuyên đường thủy nội địa với giá trị 414.089.967 VND. Tuy nhiên, khi duyệt quyết toán Cục Đường thủy Nội địa Việt Nam không chấp nhận thanh toán cho đơn vị do điều chỉnh một số nội dung trong dự toán. Giá trị điều chỉnh giảm khoản phải thu này Công ty chưa được ghi nhận trong báo cáo tài chính năm 2020.

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề lưu ý

Theo Quyết định số 98/CCĐT – TCTK ngày 19/01/2017 của Chi cục Đường thủy Nội địa phía Nam (thuộc Cục đường thủy nội địa Việt Nam) về việc thu hồi nợ Ngân sách Nhà nước kinh phí giảm trừ, Công ty phải nộp bổ sung do điều chỉnh giảm số kinh phí khi quyết toán nguồn sự nghiệp đường thủy nội địa với số tiền là 149.520.000 VND. Tuy nhiên, Công ty chưa ghi nhận giá trị này trong báo cáo tài chính cũng như chưa nộp trong năm 2020 do chưa có quyết định thu hồi chính thức từ Bộ Giao Thông Vận Tải.



Nguyễn Nhân Bào

NGUYỄN NHÂN BÀO

Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0413-2018-088-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VIỆT NHẤT

Ngày 22 tháng 02 năm 2021

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Trần Khánh Trúc

TRẦN KHÁNH TRÚC

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3881-2018-088-1

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 14221 Lý Thường Kiệt, khóm 9, phường 6
thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020***MẪU SỐ B 01-DN**
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		7.606.594.560	6.940.062.944
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	1.485.189.795	1.134.382.476
1. Tiền	111		1.485.189.795	1.134.382.476
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.794.418.242	4.761.718.222
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	5.215.327.275	4.272.628.255
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		-	-
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	6	579.090.967	489.089.967
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	7	326.790.072	1.043.962.246
1. Hàng tồn kho	141		326.790.072	1.043.962.246
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		196.451	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	8	-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		196.451	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 14221 Lý Thường Kiệt, khóm 9, phường 6
thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020**Mẫu số B 01-DN**

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		3.874.250.996	3.910.436.280
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		613.341.000	613.341.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5	697.276.236	697.276.236
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	216	5	(83.935.236)	(83.935.236)
II. Tài sản cố định	220	9	3.176.925.149	3.123.858.303
1. Tài sản cố định hữu hình	221		3.176.925.149	3.123.858.303
- Nguyên giá	222		8.479.979.859	7.345.269.009
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(5.303.054.710)	(4.221.410.706)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		83.984.847	173.236.977
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	8	83.984.847	173.236.977
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		11.480.845.556	10.850.499.224

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 14221 Lý Thường Kiệt, khóm 9, phường 6
thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		3.288.158.147	2.880.782.520
I. Nợ ngắn hạn	310		3.288.158.147	2.880.782.520
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	10	8.658.000	23.588.000
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	11	465.906.926	300.371.926
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	1.415.154.969	1.248.263.919
4. Phải trả người lao động	314		980.930.011	836.326.590
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	13	412.396.001	465.898.539
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	14	5.112.240	6.333.546
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 14221 Lý Thường Kiệt, khóm 9, phường 6
thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Mẫu số B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		8.192.687.409	7.969.716.704
I. Vốn chủ sở hữu	410	14	8.192.687.409	7.969.716.704
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		7.143.630.000	7.143.630.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		7.143.630.000	7.143.630.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		143.487.785	107.561.526
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		905.569.624	718.525.178
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		2.913.525	-
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(Lỗ) năm nay	421b		902.656.099	718.525.178
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		11.480.845.556	10.850.499.224


NGUYỄN VĂN KHIẾT

Người lập biểu

Ngày 22 tháng 02 năm 2021


HUỲNH THÙY LINH

Kế toán trưởng

**NGUYỄN VĂN ỨT**

Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 14221 Lý Thường Kiệt, khóm 9, phường 6
thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Mẫu số B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	15	20.248.662.164	16.362.095.827
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	15	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	15	20.248.662.164	16.362.095.827
4. Giá vốn hàng bán	11	16	13.807.702.711	10.675.842.449
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		6.440.959.453	5.686.253.378
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	17	29.662.236	3.183.359
7. Chi phí tài chính	22	18	19.698.145	23.905.660
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		19.698.145	23.905.660
8. Chi phí bán hàng	25		23.184.000	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	19	5.375.973.377	4.743.841.714
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		1.051.766.167	921.689.363
11. Thu nhập khác	31	20	16.500.000	-
12. Chi phí khác	32	21	15.893.726	18.388.891
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		606.274	(18.388.891)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		1.052.372.441	903.300.472
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	22	149.716.342	184.775.294
16. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		902.656.099	718.525.178
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	23	1.263,58	1.005,83


NGUYỄN VĂN KHIẾT
 Người lập biểu
 Ngày 22 tháng 02 năm 2021


HUỲNH THÙY LINH
 Kế toán trưởng


NGUYỄN VĂN ÚT
 Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 14221 Lý Thường Kiệt, khóm 9, phường 6
thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam**Báo cáo tài chính**
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020**MẪU SỐ B 03-DN**

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. (Lỗ)/Lợi nhuận trước thuế	01		1.052.372.441	903.300.472
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		1.221.423.871	1.129.033.022
Các khoản dự phòng	03		-	-
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(29.662.236)	(2.755.327)
Chi phí lãi vay	06		19.698.145	23.905.660
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		2.263.832.221	2.053.483.827
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		(1.032.896.471)	3.305.154.488
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		717.172.174	(897.192.043)
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		444.669.695	(3.575.096.535)
(Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		104.309.306	294.785.950
Tiền lãi vay đã trả	14		(19.698.145)	(23.905.660)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(185.789.104)	(299.515.193)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(180.852.600)	(133.480.003)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		2.110.747.076	724.234.831
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(1.289.547.893)	(413.160.653)
2. Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Thu lãi tiền cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		29.662.236	3.183.359
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.259.885.657)	(409.977.294)

Các thuyết minh từ trang 12 đến trang 22 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 14221 Lý Thường Kiệt, khóm 9, phường 6
thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)*(Theo phương pháp giáp tiếp)*

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		2.225.466.705	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.225.466.705)	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(500.054.100)	(317.177.172)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(500.054.100)	(317.177.172)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ/năm (50=20+30+40)	50		350.807.319	(2.919.635)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ/năm	60		1.134.382.476	1.137.302.111
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ/năm (70=50+60+61)	70		1.485.189.795	1.134.382.476

NGUYỄN VĂN KHIẾT
Người lập biểu
Ngày 22 tháng 02 năm 2021**HUỲNH THÙY LINH**
Kế toán trưởng**NGUYỄN VĂN ÚT**
Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Quản lý Bảo trì Đường thủy Nội địa số 14 được cổ phần hóa từ doanh nghiệp nhà nước Đoạn Quản lý Đường thủy Nội địa số 14 theo Quyết định số 4575/QĐ-BGTVT ngày 03/12/2014 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty là doanh nghiệp cổ phần, Nhà nước nắm giữ 51% theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 2001187428 ngày 06/04/2015 và thay đổi lần 1 ngày 11/05/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2020 là 71 người.

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là sản xuất và dịch vụ. Hoạt động chính cụ thể như sau:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Quản lý luồng, hành lang an toàn giao thông đường thủy nội địa. Dịch vụ điều tiết giao thông phục vụ thi công các công trình cầu vượt sông và các công trình đường thủy nội địa. Bảo trì đường thủy nội địa.
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy.
- Sản xuất khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Sản xuất, lắp đặt báo hiệu đường thủy nội địa. Đóng tàu và cầu kiện nổi.
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa.
- Chuẩn bị mặt bằng.
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét.
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê phương tiện thủy, vận chuyển vật, thiết bị đường thủy nội địa.
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Lập phương án đảm bảo an toàn giao thông đường thủy nội địa; Rà quét, thanh thải vật chướng ngại trên đường thủy nội địa.
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Mua bán sơn.
- Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông. Chi tiết: Mua bán đèn báo hiệu đường thủy, bằng năng lượng mặt trời.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

- Trạm Quản lý bảo trì đường thủy nội địa Bạc Liêu
- Trạm Quản lý bảo trì đường thủy nội địa Cà Mau
- Trạm Quản lý bảo trì đường thủy nội địa Hồng Dân
- Tổ Quản lý bảo trì đường thủy nội địa Gành Hào
- Trạm Quản lý bảo trì đường thủy nội địa Năm Căn
- Trạm Quản lý bảo trì đường thủy nội địa Sông Đốc
- Trạm Quản lý bảo trì đường thủy nội địa Thới Bình
- Tổ Quản lý bảo trì đường thủy nội địa Xẻo Rô.
- Đội cơ khí xây dựng công trình

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh. Giá trị thuần có thể thực hiện được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị khấu hao lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính từ 3 – 12 năm

Các tài sản cố định hữu hình được đánh giá lại khi có quyết định của Nhà nước hoặc cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước. Nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được điều chỉnh theo kết quả đánh giá lại đã được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản trả trước

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc kỳ hoạt động.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua (có thể xuất hoặc chưa xuất hóa đơn theo quy định của Luật thuế);
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu ghi nhận trong báo cáo tài chính hoàn toàn căn cứ vào sự thỏa các điều kiện nêu trên. Sự chênh lệch giữa doanh thu báo cáo tài chính và doanh thu thuế hoàn toàn là do sự khác biệt giữa quy định của chế độ tài kế toán và theo quy định hiện hành của Luật thuế.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại. Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>
	VND		VND
Tiền mặt	350.320.269		32.885.359
Tiền gửi ngân hàng	1.134.869.526 (*)		1.101.497.117
Cộng	1.485.189.795		1.134.382.476

(*) Bao gồm:

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – CN Cà Mau	48.620.666
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Cà Mau	1.086.248.860
Cộng	1.134.869.526

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***5. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	Số cuối năm		Số đầu năm
	VND		VND
a. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5.215.327.275		4.272.628.255
- Chi cục đường thủy nội địa phía Nam	5.150.066.275		3.793.326.555
- Công ty TNHH Xây dựng Hồng Huệ	32.000.000 (*)		32.000.000
- Ban quản lý dự án xây dựng công trình giao thông Cà Mau	-		177.046.000
- Công ty TNHH ứng dụng công nghệ Việt Nhật	-		11.808.000
- Công ty cổ phần phân bón đầu khí Cà Mau	-		258.447.700
- Công ty cổ phần đầu tư Phú Cường Kiên Giang	33.261.000		-
b. Phải thu dài hạn của khách hàng	697.276.236		697.276.236
- Cục Đường thủy Nội địa Việt Nam	613.341.000 (*)		613.341.000
- Công ty TNHH XD & TM Bê Ta	61.570.014 (**)		61.570.014
- Công ty CP Quốc tế Jbichem Cà Mau	3.000.000 (**)		3.000.000
- Công ty TNHH Xây dựng Thọ Hoàng Thanh	19.365.222 (**)		19.365.222
c. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	(83.935.236)		(83.935.236)
Cộng	5.828.668.275		4.885.969.255

(*) Là các khoản nợ phải thu khó đòi mà Công ty không có khả năng thu hồi.

(**) Trích lập dự phòng phải thu khó đòi của các khoản phải thu dài hạn của khách hàng.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối năm		Số đầu năm
	VND		VND
Chi phí thực hiện Cục Đường thủy Nội địa Việt Nam xuất toán	414.089.967 (*)		414.089.967
Tạm ứng tiền	84.260.000		75.000.000
Chi tiền tết Dương lịch 2021	73.000.000		-
Tiền bảo lãnh hợp đồng	7.741.000		-
Cộng	579.090.967		489.089.967

(*) Là khoản chi phí phát sinh đơn vị đã chi để thực hiện công tác quản lý duy tu thường xuyên đường thủy nội địa. Tuy nhiên, khi duyệt quyết toán Cục Đường thủy Nội địa Việt Nam không chấp nhận thanh toán cho đơn vị do điều chỉnh một số nội dung trong dự toán. Do đó, khoản chi phí đã chi sẽ không được thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 14221 Lý Thường Kiệt, khóm 9, phường 6
Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***7. HÀNG TỒN KHO**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	-	635.378
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	326.790.072	1.043.326.868
Cộng	326.790.072	1.043.962.246

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn	-	-
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	-	-
b) Dài hạn	-	-
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	83.984.847	173.236.977
- Các khoản khác	-	-
Cộng	83.984.847	173.236.977

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	<u>Nhà xưởng và vật kiến trúc</u>	<u>Máy móc và thiết bị</u>	<u>Phương tiện vận tải</u>	<u>Tài sản khác</u>	<u>Tổng cộng</u>
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2020	953.471.417	202.408.654	6.042.266.886	147.122.052	7.345.269.009
Tăng trong năm	85.328.182	174.000.000	1.030.219.711	-	1.289.547.893
Giảm theo TT 45	10.428.389	144.408.654	-	-	154.837.043
Tại ngày 31/12/2020	1.028.371.210	232.000.000	7.072.486.597	147.122.052	8.479.979.859
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2020	583.488.125	135.877.147	3.497.141.346	4.904.088	4.221.410.706
Khấu hao trong năm	162.844.419	31.282.100	1.012.585.160	14.712.192	1.221.423.871
Giảm theo TT 45	8.387.324	131.392.543	-	-	139.779.867
Tại ngày 31/12/2020	737.945.220	35.766.704	4.509.726.506	19.616.280	5.303.054.710
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 01/01/2020	369.983.292	66.531.507	2.545.125.540	142.217.964	3.123.858.303
Tại ngày 31/12/2020	290.425.990	196.233.296	2.562.760.091	127.505.772	3.176.925.149

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 14

221 Lý Thường Kiệt, khóm 9, phường 6
 Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
DNTN Thái Sơn	-	23.588.000
DNTN Trường Thịnh	8.658.000	-
Cộng	8.658.000	23.588.000

11. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Ban Quản lý dự án đường thủy nội địa	77.295.926	77.295.926
Công ty TNHH Đức Tâm Hiệp	22.500.000	22.500.000
Ban Quản lý dự án Xây dựng Công trình giao thông Cà Mau	366.111.000	-
Trung tâm Quản lý, khai thác CT thủy lợi	-	200.576.000
Cộng	465.906.926	300.371.926

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ NHÀ NƯỚC

	<u>Số dư đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Số dư cuối năm</u>
Thuế giá trị gia tăng	1.062.413.377	2.028.467.307	1.824.428.247	1.266.452.437
Thuế TNDN	184.775.294	149.716.342	185.789.104	148.702.532
Các loại thuế khác	-	2.000.000	2.000.000	-
Cộng	1.247.188.671	2.180.183.649	2.012.217.351	1.415.154.969

13. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kinh phí công đoàn	-	53.502.538
Bảo hiểm xã hội	-	-
Bảo hiểm y tế	-	-
Bảo hiểm thất nghiệp	-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	412.396.001 (*)	412.396.001
Cộng	412.396.001	465.898.539

(*) Là chi phí thực hiện Cục Đường thủy Nội địa xuất toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 14

221 Lý Thường Kiệt, khóm 9, phường 6
 Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

Báo cáo tài chính
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2019	7.143.630.000	83.636.086	478.508.796	7.705.774.882
Lợi nhuận trong năm	-	-	718.525.175	718.525.175
Phân phối quỹ	-	23.925.440	(23.925.440)	-
Trích lập quỹ	-	-	(137.406.184)	(137.406.184)
Chia cổ tức	-	-	(317.177.172)	(317.177.172)
Số dư tại ngày 01/01/2020	7.143.630.000	107.561.526	718.525.178	7.969.716.704
Lợi nhuận trong năm	-	-	902.656.099	902.656.099
Phân phối quỹ	-	35.926.259	(35.926.259)	-
Trích lập quỹ	-	-	(179.631.294)	(179.631.294)
Chia cổ tức	-	-	(500.054.100)	(500.054.100)
Số dư tại ngày 31/12/2020	7.143.630.000	143.487.785	905.569.624	8.192.687.409

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

(*) Nhà nước nắm giữ 51% vốn điều lệ tương đương với 364.363 cổ phần.

Vốn điều lệ và thực góp

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2001187428 ngày 11/05/2017 (thay đổi lần 01), vốn điều lệ của Công ty là 7.143.630.000 VND. Đến ngày 31/12/2020, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

Loại cổ phiếu	Vốn điều lệ	Vốn đã góp		
		31/12/2020		31/12/2019
	VND	VND		VND
Cổ phiếu phổ thông	3.643.630.000	7.143.630.000		7.143.630.000
Cổ phiếu ưu đãi	3.500.000.000	-	(a)	-
Cộng	7.143.630.000	7.143.630.000	(b)	7.143.630.000

(a) Đây là cổ phiếu ưu đãi cho cán bộ công nhân viên làm việc lâu năm tại Công ty và được chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông theo quy định.

(b) Chi tiết góp vốn

Cổ đông	31/12/2020 VND	Tỷ lệ %
Tổng công ty Đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước	3.643.630.000	51,01
Ông Tổng Văn Thanh	400.000.000	5,60
Công ty CP SX Thiết bị điều khiển và báo hiệu	300.000.000	4,20
Ông Mai Văn Toàn	296.350.000	4,15
Các cổ đông khác	2.503.650.000	35,05
Tổng cộng	7.143.630.000	100

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 14221 Lý Thường Kiệt, khóm 9, phường 6
Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***15. DOANH THU**

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.248.662.164	16.362.095.827
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.248.662.164	16.362.095.827

16. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	13.807.702.711	10.675.842.449
Cộng	13.807.702.711	10.675.842.449

17. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi tiền gửi	29.662.236	3.183.359
Cộng	29.662.236	3.183.359

18. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Lãi vay phải trả	19.698.145	23.905.660
Cộng	19.698.145	23.905.660

19. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên	2.707.481.334	2.615.184.575
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	2.681.818
Thuế, phí lệ phí	49.940.632	49.543.954
Chi phí khấu hao TSCĐ	150.994.911	138.138.758
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.922.377.449	1.524.153.193
Chi phí bằng tiền khác	545.179.051	414.139.416
Cộng	5.375.973.377	4.743.841.714

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 14

221 Lý Thường Kiệt, khóm 9, phường 6
 Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

20. THU NHẬP KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Thu hồi khoản chi thù lao	16.500.000	-
Cộng	16.500.000	-

21. CHI PHÍ KHÁC

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Nộp thuế, bảo hiểm, phạt chậm nộp	2.727.832	11.353.993
Thu hồi tiền bảo lãnh dự thầu	13.165.894	-
Chi phí khác	-	7.034.898
Cộng	15.893.726	18.388.891

22. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay
	VND
Lợi nhuận trước thuế	1.052.372.441
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	17.030.000
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	
Cộng : Các khoản chi phí không được trừ	17.030.000
Thuế suất thông thường	20%
Thu nhập chịu thuế TNDN	1.069.402.441
Thuế thu nhập doanh nghiệp năm 2020	213.880.488
Miễn giảm 30% thuế TNDN theo ND 116/2020	(64.164.146)
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	149.716.342

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên. Những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

23. LÃI/(LỖ) CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	<u>Năm nay</u>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN chưa phân bổ	902.656.099
Các khoản điều chỉnh tăng	=
Các khoản điều chỉnh giảm	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	902.656.099
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.263,58

CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ BẢO TRÌ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA SỐ 14

221 Lý Thường Kiệt, khóm 9, phường 6
Thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau, Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***24. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ CÁC BÊN CÓ LIÊN QUAN*****Thù lao của Ban Giám đốc trong năm***

	2020	2019
	VND	VND
Tiền lương, thưởng	1.013.835.011	990.539.516
Thù lao hội đồng quản trị, ban giám đốc	109.500.000	76.800.000
Tổng cộng	1.123.335.011	1.067.339.516

25. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính đến thời điểm phát hành báo cáo này cần phải điều chỉnh hoặc phải công bố trong báo cáo tài chính



NGUYỄN VĂN KHIẾT

Người lập biểu

Ngày 22 tháng 02 năm 2021



HUỲNH THÙY LINH

Kế toán trưởng



NGUYỄN VĂN ÚT

Giám đốc